TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2020
V/v Ly hôn giữa chị G và anh Khái

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thơm
2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị Thu G, sinh năm 1988; Trú tại: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1983; Trú tại: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trịnh Thị Thu G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008, do quen biết, tìm hiểu, tôi và anh Nguyễn Hoàng K tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống và kinh kế gia đình quá khó khăn nên thường xuyên cự cải nhau. Từ đó, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được

nên vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị G nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 02 con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 23/11/2009 và cháu Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 03/01/2012. Chị G yêu cầu được giành quyền nuôi 02 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hoàng K trình bày:

Anh K thống nhất lời trình bày của chị G về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn là do vợ chồng chỉ có cự cải nhỏ với nhau, ngoài ra không còn nguyên nhân nào khác. Qua yêu cầu xin ly hôn của chị G, anh K không đồng ý ly hôn.

Trường hợp, Tòa án giải quyết ly hôn, anh K có ý kiến như sau:

Về con chung: Anh K yêu cầu được giành quyền nuôi 02 cháu cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh K xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Anh K xác định không có.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Thu G và anh Nguyễn Hoàng K.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 23/11/2009 và cháu Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 03/01/2012 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị G và anh K xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Chị G và anh K xác định không có.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị G phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Hoàng K vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị G và anh K được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, có cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng thừa nhận thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống và kinh kế gia đình quá khó khăn nên nhiều lần cự cải nhau dẫn đến sống ly thân. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị G đã nộp đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết cũng tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa, chị G cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh K, anh K vắng mặt không rõ lý do. Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 31/3/2020 xác định: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường hay cự cải nhau dẫn đến sống ly thân. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị G và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, chị G xin ly hôn với anh K là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Có 02 con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 23/11/2009 và cháu Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 03/01/2012. Khi ly hôn, chị G và anh K đều có nguyện vọng được nuôi 02 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Hai cháu đều là cháu gái, còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ và đây cũng là nguyện vọng của các cháu muốn được tiếp tục chung sống với chị G. Hiện chị G cũng có công việc, thu nhập ổn định đủ để chăm sóc các cháu đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 cháu cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Tài sản chung:* Chị G và anh K xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] *Nghĩa vụ chung:* Chị G và anh K xác định không có.

[3] *Án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị G phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên, việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Thu G và anh Nguyễn Hoàng K.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 23/11/2009 và cháu Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 03/01/2012 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh K, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh K không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh K. Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

3. *Về chia tài sản chung*: Chị G và anh K xác định không có.

4. *Về nghĩa vụ chung*: Chị G và anh K xác định không có.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Thu G phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 012967 ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Công nhận chị G đã nộp xong.

6. *Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn*.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Đông Hiệp;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng